PHÒNG GD- ĐT QUẬN LONG BIÊN **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI **MÔN ĐỊA LÍ 8- TIẾT 10**

NĂM HỌC: 2020-2021 **THỜI GIAN LÀM BÀI : 45 PHÚT**

I. MỤC TIÊU

Đánh giá việc lĩnh hội kiến thức của học sinh về :

1. Kiến thức :

- Nắm được vị trí địa lí và các đặc điểm tự nhiên của Châu Á như địa hình , khí hậu , khoáng sản , sông ngòi , cảnh quan.

- Trình bày được đặc điểm dân cư – xã hội Châu Á

- Phân tích được đặc điểm phát triển kinh tế và tình hình phát triển kinh tế - xã hội các nước Châu Á .

2. Kĩ năng :

- Kỹ năng trình bày bài viết cho học sinh

- Kỹ năng phân tích kiến thức địa lí và liên kết các mối quan hệ giữa các yếu tố địa lí .

- Kỹ năng phân tích tổng hợp, đọc bản đồ , xử lí số liệu , thông tin kiến thức

- Vận dụng và liên hệ thực tiễn .

3. Thái độ :

- Có tinh thần học tập, làm bài độc lập, nghiêm túc.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy tổng hợp.

II. MA TRẬN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Nội dung	**Mức độ nhận thức**								**Tổng điểm**
	Biết (50 %)		**Hiểu** (30 %)		**Vận dụng** (10 %)		**Vận dụng cao** (10 %)		
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
Vị trí, địa hình , khí hậu , khoáng sản , sông ngòi , cảnh quan Châu Á	2c- 0.5đ	1c- 2đ	2c- 0.5đ		2c- 0.5đ		2c- 0.5đ		**9c-4đ**

Đặc điểm dân cư , xã hội Châu Á	2c-0.5đ		2c-0.5đ		1c-0.25đ	1c-1.5đ	1c-0.25đ		**7c-3đ**
Đặc điểm ,tình hình phát triển kinh tế -xã hội Châu Á .	2c-0.5đ		2c-0.5đ	1c-1.5đ	2c-0.5đ				**7c-3đ**
Tổng điểm	**7c- 3.5đ**		**7c-3đ**		**6c-2.75đ**		**3c-0.75đ**		**10 điểm**

PHÒNG GD- ĐT QUẬN LONG BIÊN **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI **MÔN ĐỊA LÍ 8- TIẾT 10**

NĂM HỌC: 2020-2021 **THỜI GIAN LÀM BÀI : 45 PHÚT**

ĐỀ 01

I. TRẮC NGHIỆM *(5 điểm): Mỗi câu tương ứng với 0,25 điểm*

Chọn chữ cái trước đáp án đúng và ghi vào bài kiểm tra:

Câu 1: Địa hình Châu Á chủ yếu là:

A. hệ thống núi và sơn nguyên cao trung bình.

B. hệ thống núi, sơn nguyên và đồng bằng cao.

C. hệ thống núi và cao nguyên đồ sộ bậc nhất thế giới.

D. hệ thống núi, sơn nguyên cao, đồ sộ và nhiều đồng bằng rộng bậc nhất thế giới.

Câu 2: Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên của châu Á (2002) là:

A. 1,0% B. 1,3% C. 1,4% D. 2,4%

Câu 3: Hai khu vực điển hình cho khí hậu nhiệt đới gió mùa ở châu Á là

A. Đông Á và Đông Nam Á. B. Đông Á và Nam Á.

C. Nam Á và Đông Nam Á. D. Trung Á và Nam Á.

Câu 4: : Chủng tộc Môngôlôit ở Châu Á phân bố tập trung ở các khu vực :

A. Tây Nam Á, Trung Á, Đông Á. B. Trung Á, Nam Á, Đông Nam Á.

C. Bắc Á, Đông Á, Đông Nam Á. D. Tây Nam Á, Trung Á, Nam Á

Câu 5: Sông ngòi Bắc Á không có đặc điểm nào dưới đây?

A. Mùa xuân, băng tuyết tan. B. Sông thường gây ra lũ băng lớn.

C. Các sông chảy theo hướng từ nam lên bắc. D. Mạng lưới sông thưa thớt.

Câu 6: Dựa vào bảng số liệu sau: Hãy cho biết dân số Châu Á năm 2002 tăng gấp bao nhiêu lần năm 1800?

Năm	1800	1900	1950	1970	1990	2002
Số dân (Triệu người)	600	880	1402	2100	3110	3766

A. 6,2 B. 6,3

C. 6,4 D. 6,5

Câu 7 : Chiều dài từ điểm Cực Bắc đến điểm Cực Nam của Châu Á là:

A: 8500 km B : 8600 km

C: 9200 km D: 9120 km

Câu 8 : Dãy núi nào sau đây là dãy núi cao và đồ sộ nhất châu Á?

A. Hi-ma-lay-a B. Côn Luân C. Thiên Sơn D. Cap-ca

Câu 9: Các sông lớn ở vùng Bắc Á có hướng chảy chủ yếu là:

A. Tây Bắc – Đông Nam. B. Tây sang Đông

C. Nam lên Bắc. D. Bắc xuống Nam

Câu 10: Đới cảnh quan chủ yếu của vùng Tây Nam Á và Trung Á là:

A. Rừng lá kim. B. Rừng hỗn hợp và rừng lá rộng.

C. Hoang mạc và bán hoang mạc. D. Rừng nhiệt đới ẩm.

Câu 11: Châu Á có nhiều đới khí hậu khác nhau, trong mỗi đới lại có sự phân thành các kiểu khí hậu do:

A. Do lãnh thổ trải dải từ vùng cực bắc đến vùng Xích đạo B. Do lãnh thổ rất rộng.

C. Do ảnh hưởng của các dãy núi. D. Tất cả các ý trên.

Câu 12: Khí hậu châu Á phổ biến là các kiểu khí hậu nào?

A. Các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu lục địa.

B. Các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu cận nhiệt địa trung hải.

C. Các kiểu khí hậu hải dương và các kiểu khí hậu lục địa.

D. Các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hải dương.

Câu 13 : Phật giáo ra đời vào khoảng thời gian nào ?

A : Thế kỉ VI trước công nguyên B : Thế kỉ V trước công nguyên

C : Thế kỉ XIX D: Thế kỉ XX

Câu 14: Quốc gia nào ở Châu Á được mệnh danh là quốc gia hạnh phúc nhất?

A: Bhutan B: NePal C : Sin-Ga-Po D: Ấn Độ

Câu 15 : Các nước khu vực Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á có các loại cây trồng chủ yếu:

A. Lúa mì, bông, chà là. B. Lúa gạo, ngô, chà là.

C. Lúa gạo, ngô, chè. D. Lúa gạo, lúa mì cọ dầu

Câu 16: Quốc gia có sản lượng khai thác dầu mỏ lớn nhất châu Á:

A. Việt Nam B. Ả-rập Xê-út C. Nhật Bản D. Trung Quốc

Câu 17: Những nước có ngành dịch vụ phát triển cao:

A. Trung Quốc, Ấn Độ và Nhật Bản B. Trung Quốc, Xin-ga-po và Nhật Bản

C. Nhật Bản, Xin-ga-po và Hàn Quốc D. Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc

Câu 18 : Quốc gia nào duy nhất của Châu Á có tên trong danh sách G7 (7 cường quốc công nghiệp có kỹ nghệ tiên tiến trên thế giới) ?

A : Nhật bản B: Sin-Ga-Po C : Trung Quốc D: Hàn Quốc

Câu 19: Các ngành công nghiệp luyện kim, cơ khí chế tạo, điện tử…phát triển mạnh ở:

A. Trung Quốc, Ấn Độ và Nhật Bản B. Trung Quốc, Thái Lan và Nhật Bản

C. Nhật Bản, Việt Nam và Hàn Quốc D. Nhật Bản, Hàn Quốc và Cô-oét

Câu 20 : Nền kinh tế Sin-Ga-Po phát triển chủ yếu dựa vào :

A: Buôn bán và dịch vụ B: Công nghiệp chế tạo

C: Công nghiệp – xây dựng D:Nông nghiệp và dịch vụ

II, TỰ LUẬN : (5 điểm)

Câu 1: (2 điểm). Trình bày các đặc điểm của địa hình Châu Á?

Câu 2 : (1,5 điểm). Trình bày địa điểm và thời điểm ra đời của 3 tôn giáo lớn : Phật Giáo , Ấn Độ Giáo , Ki Tô Giáo ở Châu Á ?

Câu 3 : (1,5 điểm). Vẽ biểu đồ và nhận xét sự gia tăng dân số của châu Á theo số liệu dưới đây:

Năm	1800	1900	1950	1970	1990	2002
Số dân (Triệu người)	600	880	1402	2100	3110	3766

PHÒNG GD- ĐT QUẬN LONG BIÊN **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI **MÔN ĐỊA LÍ 8- TIẾT 10**

NĂM HỌC: 2020-2021 **THỜI GIAN LÀM BÀI : 45 PHÚT**

ĐỀ 02

I. TRẮC NGHIỆM *(5 điểm): Mỗi câu tương ứng với 0,25 điểm*

Câu 1: Những nước có ngành dịch vụ phát triển cao ở Châu Á ?

A. Trung Quốc, Ấn Độ và Nhật Bản B. Trung Quốc, Xin-ga-po và Nhật Bản

C. Nhật Bản, Xin-ga-po và Hàn Quốc D. Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc

Câu 2 : Quốc gia nào duy nhất của Châu Á có tên trong danh sách G7 (7 cường quốc công nghiệp có kỹ nghệ tiên tiến trên thế giới) ?

A : Nhật bản B: Sin-Ga-Po C : Trung Quốc D: Hàn Quốc

Câu 3: Các ngành công nghiệp luyện kim, cơ khí chế tạo, điện tử…phát triển mạnh ở:

A. Trung Quốc, Ấn Độ và Nhật Bản B. Trung Quốc, Thái Lan và Nhật Bản

C. Nhật Bản, Việt Nam và Hàn Quốc D. Nhật Bản, Hàn Quốc và Cô-oét

Câu 4 : Nền kinh tế Sin-Ga-Po phát triển chủ yếu dựa vào :

A: Buôn bán và dịch vụ B: Công nghiệp chế tạo

C: Công nghiệp – xây dựng D:Nông nghiệp và dịch vụ

Câu 5: Dựa vào bảng số liệu sau: Hãy cho biết dân số Châu Á năm 2002 tăng gấp bao nhiêu lần năm 1800?

Năm	1800	1900	1950	1970	1990	2002
Số dân (Triệu người)	600	880	1402	2100	3110	3766

A. 6,2 B. 6,3

C. 6,4 D. 6,5

Câu 6: Địa hình Châu Á chủ yếu là:

A. hệ thống núi và sơn nguyên cao trung bình.

B. hệ thống núi, sơn nguyên và đồng bằng cao.

C. hệ thống núi và cao nguyên đồ sộ bậc nhất thế giới.

D. hệ thống núi, sơn nguyên cao, đồ sộ và nhiều đồng bằng rộng bậc nhất thế giới.

Câu 7: Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên của châu Á (2002) là:

A. 1,0% B. 1,3% C. 1,4% D. 2,4%

Câu 8: Hai khu vực điển hình cho khí hậu nhiệt đới gió mùa ở châu Á là:

A. Đông Á và Đông Nam Á.

B. Đông Á và Nam Á.

C. Nam Á và Đông Nam Á.

D. Trung Á và Nam Á.

Câu 9: : Chủng tộc Môngôlôit ở Châu Á phân bố tập trung ở các khu vực :

A. Tây Nam Á, Trung Á, Đông Á.

B. Trung Á, Nam Á, Đông Nam Á.

C. Bắc Á, Đông Á, Đông Nam Á.

D. Tây Nam Á, Trung Á, Nam Á

Câu 10: Sông ngòi Bắc Á không có đặc điểm nào dưới đây?

A. Mùa xuân, băng tuyết tan.

B. Sông thường gây ra lũ băng lớn.

C. Các sông chảy theo hướng từ nam lên bắc.

D. Mạng lưới sông thưa thớt.

Câu 11 : Chiều dài từ điểm Cực Bắc đến điểm Cực Nam của Châu Á là:

A: 8500 km

B : 8600 km

C: 9200 km

D: 9120 km

Câu 12: Đới cảnh quan chủ yếu của vùng Tây Nam Á và Trung Á là:

A. Rừng lá kim.

B. Rừng hỗn hợp và rừng lá rộng.

C. Hoang mạc và bán hoang mạc.

D. Rừng nhiệt đới ẩm.

Câu 13: Châu Á có nhiều đới khí hậu khác nhau, trong mỗi đới lại có sự phân thành các kiểu khí hậu do:

A. Do lãnh thổ trải dải từ vùng cực bắc đến vùng Xích đạo

B. Do lãnh thổ rất rộng.

C. Do ảnh hưởng của các dãy núi.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 14: Khí hậu châu Á phổ biến là các kiểu khí hậu nào?

A. Các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu lục địa.

B. Các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu cận nhiệt địa trung hải.

C. Các kiểu khí hậu hải dương và các kiểu khí hậu lục địa.

D. Các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hải dương.

Câu 15 : Phật giáo ra đời vào khoảng thời gian nào ?

A : Thế kỉ VI trước công nguyên

B : Thế kỉ V trước công nguyên

C : Thế kỉ XIX

D: Thế kỉ XX

Câu 16 : Dãy núi nào sau đây là dãy núi cao và đồ sộ nhất châu Á?

A. Hi-ma-lay-a B. Côn Luân C. Thiên Sơn D. Cap-ca

Câu 17: Các sông lớn ở vùng Bắc Á có hướng chảy chủ yếu là:

A. Tây Bắc – Đông Nam. B. Tây sang Đông

C. Nam lên Bắc. D. Bắc xuống Nam

Câu 18: Quốc gia nào ở Châu Á được mệnh danh là quốc gia hạnh phúc nhất?

A: Bhutan B: NePal C : Sin-Ga-Po D: Ấn Độ

Câu 19 : Các nước khu vực Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á có các loại cây trồng chủ yếu:

A. Lúa mì, bông, chà là. B. Lúa gạo, ngô, chà là.

C. Lúa gạo, ngô, chè. D. Lúa gạo, lúa mì cọ dầu

Câu 20: Quốc gia có sản lượng khai thác dầu mỏ lớn nhất châu Á:

A. Việt Nam B. Ả-rập Xê-út C. Nhật Bản D. Trung Quốc

II, TỰ LUẬN : (5 điểm)

Câu 1: (2 điểm). Trình bày các đặc điểm của địa hình Châu Á?

Câu 2 : (1,5 điểm). Những thành tựu nền nông nghiệp Châu Á được biểu hiện như thế nào ?

Câu 3 : (1,5 điểm). Vẽ biểu đồ và nhận xét sự gia tăng dân số của châu Á theo số liệu dưới đây:

Năm	1800	1900	1950	1970	1990	2002
Số dân (Triệu người)	600	880	1402	2100	3110	3766

PHÒNG GD- ĐT QUẬN LONG BIÊN **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI **MÔN ĐỊA LÍ 8- TIẾT 10**

NĂM HỌC: 2020-2021 **THỜI GIAN LÀM BÀI : 45 PHÚT**

ĐỀ 03

I. TRẮC NGHIỆM *(5 điểm): Mỗi câu tương ứng với 0,25 điểm*

Câu 1: Dựa vào bảng số liệu sau: Hãy cho biết dân số Châu Á năm 2002 tăng gấp bao nhiêu lần năm 1800?

Năm	1800	1900	1950	1970	1990	2002
Số dân (Triệu người)	600	880	1402	2100	3110	3766

A. 6,2 B. 6,3

C. 6,4 D. 6,5

Câu 2: Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên của châu Á (2002) là:

A. 1,0% B. 1,3% C. 1,4% D. 2,4%

Câu 3: Hai khu vực điển hình cho khí hậu nhiệt đới gió mùa ở châu Á là:

A. Đông Á và Đông Nam Á. B. Đông Á và Nam Á.

C. Nam Á và Đông Nam Á. D. Trung Á và Nam Á.

Câu 4: : Chủng tộc Môngôlôit ở Châu Á phân bố tập trung ở các khu vực :

A. Tây Nam Á, Trung Á, Đông Á. B. Trung Á, Nam Á, Đông Nam Á.

C. Bắc Á, Đông Á, Đông Nam Á. D. Tây Nam Á, Trung Á, Nam Á

Câu 5: Sông ngòi Bắc Á không có đặc điểm nào dưới đây?

A. Mùa xuân, băng tuyết tan. B. Sông thường gây ra lũ băng lớn.

C. Các sông chảy theo hướng từ nam lên bắc. D. Mạng lưới sông thưa thớt.

Câu 6 : Các nước khu vực Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á có các loại cây trồng chủ yếu:

A. Lúa mì, bông, chà là. B. Lúa gạo, ngô, chà là.

C. Lúa gạo, ngô, chè. D. Lúa gạo, lúa mì cọ dầu

Câu 7: Quốc gia có sản lượng khai thác dầu mỏ lớn nhất châu Á:

A. Việt Nam B. Ả-rập Xê-út C. Nhật Bản D. Trung Quốc

Câu 8: Các ngành công nghiệp luyện kim, cơ khí chế tạo, điện tử…phát triển mạnh ở:

A. Trung Quốc, Ấn Độ và Nhật Bản

B. Trung Quốc, Thái Lan và Nhật Bản

C. Nhật Bản, Việt Nam và Hàn Quốc

D. Nhật Bản, Hàn Quốc và Cô-oét

Câu 9 : Nền kinh tế Sin-Ga-Po phát triển chủ yếu dựa vào :

A: Buôn bán và dịch vụ

B: Công nghiệp chế tạo

C: Công nghiệp – xây dựng

D:Nông nghiệp và dịch vụ

Câu 10: Địa hình Châu Á chủ yếu là:

A. hệ thống núi và sơn nguyên cao trung bình.

B. hệ thống núi, sơn nguyên và đồng bằng cao.

C. hệ thống núi và cao nguyên đồ sộ bậc nhất thế giới.

D. hệ thống núi, sơn nguyên cao, đồ sộ và nhiều đồng bằng rộng bậc nhất thế giới.

Câu 11: Những nước có ngành dịch vụ phát triển cao:

A. Trung Quốc, Ấn Độ và Nhật Bản

B. Trung Quốc, Xin-ga-po và Nhật Bản

C. Nhật Bản, Xin-ga-po và Hàn Quốc

D. Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc

Câu 12 : Quốc gia nào duy nhất của Châu Á có tên trong danh sách G7 (7 cường quốc công nghiệp có kỹ nghệ tiên tiến trên thế giới) ?

A : Nhật bản B: Sin-Ga-Po C : Trung Quốc D: Hàn Quốc

Câu 13 : Dãy núi nào sau đây là dãy núi cao và đồ sộ nhất châu Á?

A. Hi-ma-lay-a B. Côn Luân C. Thiên Sơn D. Cap-ca

Câu 14: Các sông lớn ở vùng Bắc Á có hướng chảy chủ yếu là:

A. Tây Bắc – Đông Nam.

B. Tây sang Đông

C. Nam lên Bắc.

D. Bắc xuống Nam

Câu 15: Quốc gia nào ở Châu Á được mệnh danh là quốc gia hạnh phúc nhất?

A: Bhutan B: NePal C : Sin-Ga-Po D: Ấn Độ

Câu 16: Châu Á có nhiều đới khí hậu khác nhau, trong mỗi đới lại có sự phân thành các kiểu khí hậu do:

A. Do lãnh thổ trải dải từ vùng cực bắc đến vùng Xích đạo

B. Do lãnh thổ rất rộng.

C. Do ảnh hưởng của các dãy núi.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 17: Khí hậu châu Á phổ biến là các kiểu khí hậu nào?

A. Các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu lục địa.

B. Các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu cận nhiệt địa trung hải.

C. Các kiểu khí hậu hải dương và các kiểu khí hậu lục địa.

D. Các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hải dương.

Câu 18 : Phật giáo ra đời vào khoảng thời gian nào ?

A : Thế kỉ VI trước công nguyên

B : Thế kỉ V trước công nguyên

C : Thế kỉ XIX

D: Thế kỉ XX

Câu 19 : Chiều dài từ điểm Cực Bắc đến điểm Cực Nam của Châu Á là:

A: 8500 km

B : 8600 km

C: 9200 km

D: 9120 km

Câu 20: Đới cảnh quan chủ yếu của vùng Tây Nam Á và Trung Á là:

A. Rừng lá kim.

B. Rừng hỗn hợp và rừng lá rộng.

C. Hoang mạc và bán hoang mạc.

D. Rừng nhiệt đới ẩm.

II, TỰ LUẬN : (5 điểm)

Câu 1: (2 điểm). Trình bày các đặc điểm của địa hình Châu Á?

Câu 2 : (1,5 điểm). Trình bày địa điểm và thời điểm ra đời của 3 tôn giáo lớn: Phật Giáo , Ấn Độ Giáo , Ki Tô Giáo ở Châu Á ?

Câu 3 : (1,5 điểm). Vẽ biểu đồ và nhận xét sự gia tăng dân số của châu Á theo số liệu dưới đây:

Năm	1800	1900	1950	1970	1990	2002
Số dân (Triệu người)	600	880	1402	2100	3110	3766

PHÒNG GD- ĐT QUẬN LONG BIÊN | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI | **MÔN ĐỊA LÍ 8- TIẾT 10**

NĂM HỌC: 2020-2021 | **THỜI GIAN LÀM BÀI : 45 PHÚT**

ĐỀ 04

I. TRẮC NGHIỆM *(5 điểm): Mỗi câu tương ứng với 0,25 điểm*

Câu 1: Quốc gia nào ở Châu Á được mệnh danh là quốc gia hạnh phúc nhất?

A: Bhutan B: NePal C : Sin-Ga-Po D: Ấn Độ

Câu 2: Châu Á có nhiều đới khí hậu khác nhau, trong mỗi đới lại có sự phân thành các kiểu khí hậu do:

A. Do lãnh thổ trải dải từ vùng cực bắc đến vùng Xích đạo

B. Do lãnh thổ rất rộng.

C. Do ảnh hưởng của các dãy núi.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 3: Khí hậu châu Á phổ biến là các kiểu khí hậu nào?

A. Các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu lục địa.

B. Các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu cận nhiệt địa trung hải.

C. Các kiểu khí hậu hải dương và các kiểu khí hậu lục địa.

D. Các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hải dương.

Câu 4 : Phật giáo ra đời vào khoảng thời gian nào ?

A : Thế kỉ VI trước công nguyên

B : Thế kỉ V trước công nguyên

C : Thế kỉ XIX

D: Thế kỉ XX

Câu 5 : Chiều dài từ điểm Cực Bắc đến điểm Cực Nam của Châu Á là:

A: 8500 km

B : 8600 km

C: 9200 km

D: 9120 km

Câu 6: Đới cảnh quan chủ yếu của vùng Tây Nam Á và Trung Á là:

A. Rừng lá kim.

B. Rừng hỗn hợp và rừng lá rộng.

C. Hoang mạc và bán hoang mạc.

D. Rừng nhiệt đới ẩm.

Câu 7 : Nền kinh tế Sin-Ga-Po phát triển chủ yếu dựa vào :

A: Buôn bán và dịch vụ

B: Công nghiệp chế tạo

C: Công nghiệp – xây dựng

D:Nông nghiệp và dịch vụ

Câu 8: Địa hình Châu Á chủ yếu là:

A. hệ thống núi và sơn nguyên cao trung bình.

B. hệ thống núi, sơn nguyên và đồng bằng cao.

C. hệ thống núi và cao nguyên đồ sộ bậc nhất thế giới.

D. hệ thống núi, sơn nguyên cao, đồ sộ và nhiều đồng bằng rộng bậc nhất thế giới.

Câu 9: Những nước có ngành dịch vụ phát triển cao:

A. Trung Quốc, Ấn Độ và Nhật Bản

B. Trung Quốc, Xin-ga-po và Nhật Bản

C. Nhật Bản, Xin-ga-po và Hàn Quốc

D. Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc

Câu 10: Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên của châu Á (2002) là:

A. 1,0% B. 1,3% C. 1,4% D. 2,4%

Câu 11: Hai khu vực điển hình cho khí hậu nhiệt đới gió mùa ở châu Á là:

A. Đông Á và Đông Nam Á.

B. Đông Á và Nam Á.

C. Nam Á và Đông Nam Á.

D. Trung Á và Nam Á.

Câu 12: Dựa vào bảng số liệu sau: Hãy cho biết dân số Châu Á năm 2002 tăng gấp bao nhiêu lần năm 1800?

Năm	1800	1900	1950	1970	1990	2002
Số dân (Triệu người)	600	880	1402	2100	3110	3766

A. 6,2

B. 6,3

C. 6,4

D. 6,5

Câu 13 : Quốc gia nào duy nhất của Châu Á có tên trong danh sách G7 (7 cường quốc công nghiệp có kỹ nghệ tiên tiến trên thế giới) ?

A : Nhật bản B: Sin-Ga-Po C : Trung Quốc D: Hàn Quốc

Câu 14 : Dãy núi nào sau đây là dãy núi cao và đồ sộ nhất châu Á?

A. Hi-ma-lay-a B. Côn Luân C. Thiên Sơn D. Cap-ca

Câu 15: Các sông lớn ở vùng Bắc Á có hướng chảy chủ yếu là:

A. Tây Bắc – Đông Nam. B. Tây sang Đông C. Nam lên Bắc. D. Bắc xuống Nam

Câu 16: : Chủng tộc Môngôlôit ở Châu Á phân bố tập trung ở các khu vực :

A. Tây Nam Á, Trung Á, Đông Á. B. Trung Á, Nam Á, Đông Nam Á.

C. Bắc Á, Đông Á, Đông Nam Á. D. Tây Nam Á, Trung Á, Nam Á

Câu 17: Sông ngòi Bắc Á không có đặc điểm nào dưới đây?

A. Mùa xuân, băng tuyết tan. B. Sông thường gây ra lũ băng lớn.

C. Các sông chảy theo hướng từ nam lên bắc. D. Mạng lưới sông thưa thớt.

Câu 18 : Các nước khu vực Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á có các loại cây trồng chủ yếu:

A. Lúa mì, bông, chà là. B. Lúa gạo, ngô, chà là.

C. Lúa gạo, ngô, chè. D. Lúa gạo, lúa mì cọ dầu

Câu 19: Quốc gia có sản lượng khai thác dầu mỏ lớn nhất châu Á:

A. Việt Nam B. Ả-rập Xê-út C. Nhật Bản D. Trung Quốc

Câu 20: Các ngành công nghiệp luyện kim, cơ khí chế tạo, điện tử…phát triển mạnh ở:

A. Trung Quốc, Ấn Độ và Nhật Bản B. Trung Quốc, Thái Lan và Nhật Bản

C. Nhật Bản, Việt Nam và Hàn Quốc D. Nhật Bản, Hàn Quốc và Cô-oét

II, TỰ LUẬN : (5 điểm)

Câu 1: (2 điểm). Trình bày các đặc điểm của địa hình châu Á?

Câu 2 : (1,5 điểm). Những thành tựu nền nông nghiệp Châu Á được biểu hiện như thế nào ?

Câu 3 : (1,5 điểm). Vẽ biểu đồ và nhận xét sự gia tăng dân số của châu Á theo số liệu dưới đây:

Năm	1800	1900	1950	1970	1990	2002
Số dân (Triệu người)	600	880	1402	2100	3110	3766

PHÒNG GD & ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM
KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
Môn: Địa lí lớp 8
Năm học: 2020-2021

I. Trắc nghiệm: (5 điểm) Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	Đề 1	Đề 2	Đề 3	Đề 4
1	D	C	B	A
2	B	A	B	D
3	C	A	C	A
4	C	A	C	A
5	D	B	D	A
6	B	D	C	C
7	A	B	B	A
8	A	C	A	D
9	C	C	A	C
10	C	D	D	B
11	D	A	C	C
12	A	C	A	B
13	A	D	A	A
14	A	A	C	A
15	C	A	A	C
16	B	A	D	C
17	C	C	A	D
18	A	A	A	C
19	A	C	A	B
20	A	B	C	A

II. Tự luận: (5 điểm)

<u>Đáp án đề 1+3</u>

Câu 1 (2 điểm) : Trả lời :

- Địa hình Châu Á có các đặc điểm sau :

- Nhiều hệ thống núi , cao nguyên , sơn nguyên đồ sộ ,chủ yếu ở vùng trung tâm như :
  + Dãy núi Hi-ma-Lay-A, dãy núi Côn Luân , dãy núi Thiên Sơn..
  + Các sơn nguyên : Trung Xi-Bia , Tây Tạng , A Ráp , Đê Can ..
- Nhiều đồng bằng rộng bậc nhất thế giới.:
  + Đồng bằng Tây-Xi-Bia , đồng bằng Tu-Ran, đồng bằng Ấn Hằng , Đồng Bằng Hoa Bắc..
- Các dãy núi chạy theo 2 hướng chính : Đông -Tây và Bắc - Nam.

=> Núi, sơn nguyên , đồng bằng nằm xen kẽ . Nhìn chung địa hình chia cắt phức tạp.

Câu 2 (1,5 điểm) : Trả lời :

Tôn giáo	Địa điểm ra đời	Thời điểm ra đời
Ấn Độ Giáo	Ấn Độ	Đầu thiên niên kỉ I trước công nguyên
Phật giáo	Ấn Độ	Thế kỉ VI trước công nguyên
Ki-Tô-Giáo	Pa-Let-Xtin	Đầu công nguyên

Câu 3 (1,5 điểm) :

- Vẽ biểu đồ :

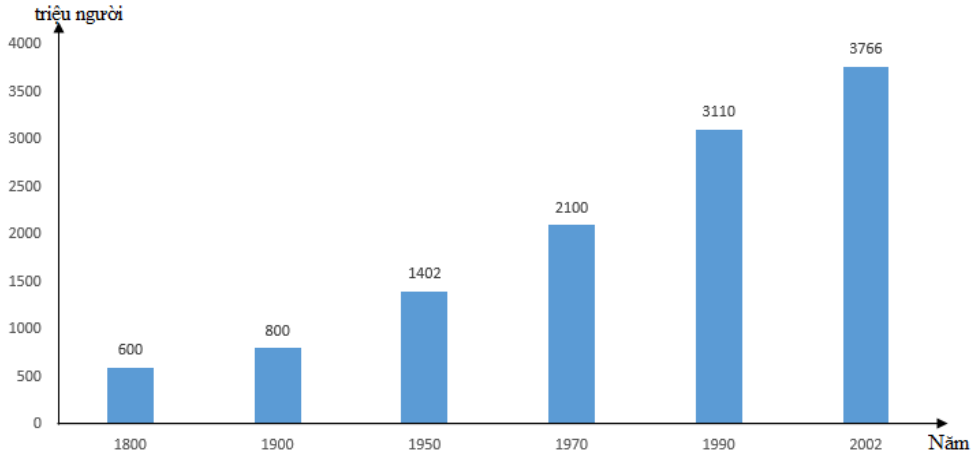

BIỂU ĐỒ GIA TĂNG DÂN SỐ CHÂU Á GIAI ĐOẠN 1800 - 2002

- Nhận xét : Dân số châu Á tăng nhanh và liên tục trong giai đoạn 1800 – 2002, gấp hơn 6 lần (từ 600 triệu người năm 1800 lên 3766 năm 2002).

<u>Đáp án đề 2+4</u>

Câu 1 (2 điểm) : Trả lời :

➢ Địa hình Châu Á có các đặc điểm sau :

- Nhiều hệ thống núi , cao nguyên , sơn nguyên đồ sộ ,chủ yếu ở vùng trung tâm như :
  + Dãy núi Hi-ma-Lay-A, dãy núi Côn Luân , dãy núi Thiên Sơn..
  + Các sơn nguyên : Trung Xi-Bia , Tây Tạng , A Ráp , Đê Can ..
- Nhiều đồng bằng rộng bậc nhất thế giới.:
  + Đồng bằng Tây-Xi-Bia , đồng bằng Tu-Ran, đồng bằng Ấn Hằng , Đồng Bằng Hoa Bắc..
- Các dãy núi chạy theo 2 hướng chính : Đông -Tây và Bắc - Nam.

=> Núi, sơn nguyên , đồng bằng nằm xen kẽ . Nhìn chung địa hình chia cắt phức tạp.

Câu 2 (1,5 điểm):

- Sản lượng gạo của toàn bộ châu lục rất cao, chiếm tới 93% sản lượng lúa gạo toàn thế giới.

- Hai nước đông dân nhất thế giới là Trung Quốc và Ấn Độ trước đây thường xuyên thiếu hụt lương thực, thì nay đã đủ dùng và còn thừa để xuất khẩu.

- Một số nước như Thái Lan, Việt Nam không đủ lượng thực mà hiện nay còn trở thành nước xuất khẩu lúa gạo thứ nhất thứ trên thế giới.

Câu 3 (1, 5 điểm) :

- Vẽ biểu đồ :

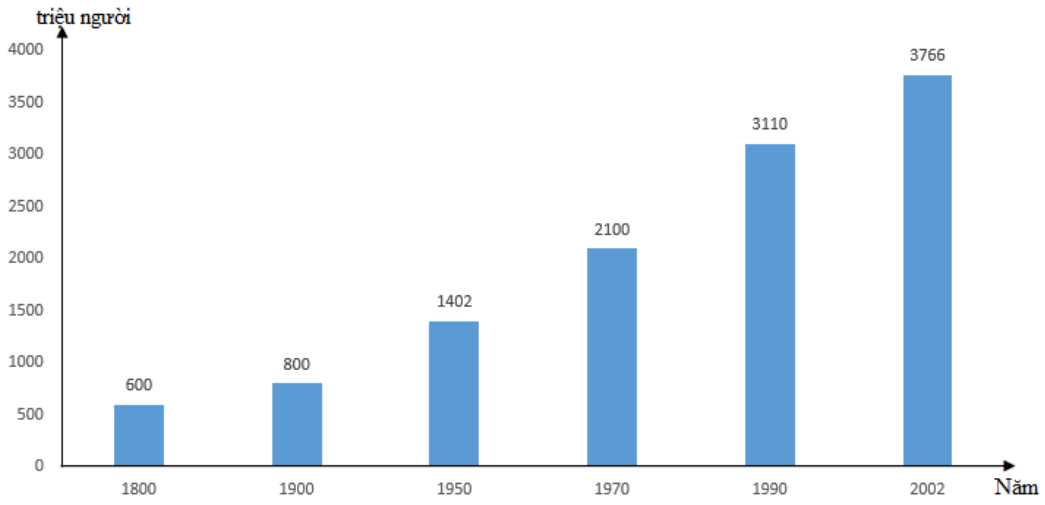

BIỂU ĐỒ GIA TĂNG DÂN SỐ CHÂU Á GIAI ĐOẠN 1800 - 2002

- Nhận xét : Dân số châu Á tăng nhanh và liên tục trong giai đoạn 1800 – 2002, gấp hơn 6 lần (từ 600 triệu người năm 1800 lên 3766 năm 2002).